

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, về việc: tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn TS, xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Hữu H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn TS, xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

(Tại phiên tòa chị A có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Lê Hữu H kết hôn với nhau do tự nguyện quyết định, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, huyện NC, tỉnh

Thanh Hóa ngày 25/11/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh H cũng thường xuyên uống rượu về nhà đánh chị, mặc dù đã nhiều lần tha thứ cho anh H nhưng anh H không thay đổi cách sống dẫn đến mâu thuẫn gia đình luôn trong tình trạng trầm trọng không thể hòa giải. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Xác định giữa chị và anh H tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lê Hữu H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 20/5/2002 và Lê Hữu H1, sinh ngày 09/01/2008. Con Lê Hữu M đã thành niên tự lo cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Hữu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho con 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu H và đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hữu H1 sau khi ly hôn và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Lê Hữu H: Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh H theo quy định của pháp luật nhưng anh H đã không gửi ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh đã gặp ông Đỗ Văn D - Trưởng Thôn TS, xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Ông D cho biết: Anh Lê Hữu H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn TS, xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh H có mặt tại nhà nhưng anh làm nghề tự do, ai thuê gì làm nấy nên ít khi anh H ở nhà, thường anh đi làm tối mới về. Về phía người thân trong gia đình anh H thì cha mẹ đã chết, anh ruột gần nhà cũng vừa chết, có ba chị gái đi lấy chồng ở xã khác. Hiện nay anh H sống cùng con trai là Lê Hữu M, nhưng hiện nay cháu Minh đã đi làm ngoài Hà Nội.

Về tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh H: Vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng mâu thuẫn, chị A đã nhiều lần báo cáo đến ban thôn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là từ phía anh H thường xuyên uống rượu về nhà chửi, đánh chị A. Các đoàn thể trong thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn gia đình anh, chị vẫn không thể khắc phục được. Hiện nay chị A và cháu Lê Hữu H1 đang ở nhà cha mẹ đẻ cùng thôn.

Ông là người đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chuyển lại ngay cho anh H, anh H nhận đầy đủ nhưng không có ý kiến gì. Vì anh H thường

đi làm sớm về muộn nên Tòa án không thể tổng đạt được các văn bản cho anh H, ông là người nhận và cam kết chuyển lại ngay cho anh H khi anh H về

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh H chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị A được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh H và chị A có hai con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 20/5/2022 và Lê Hữu H1, sinh ngày 09/01/2008. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Lê Hữu M đã đến tuổi thành niên, có khả năng lao động nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu, đối với cháu Lê Hữu H1 chưa đến tuổi thành niên, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Hữu H1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Hữu H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Lê Hữu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn TS, xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/4/2022, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh H nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Hữu H vẫn vắng mặt, do anh H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt anh Lê Hữu H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Lê Hữu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống, về phía anh H thường xuyên uống rượu, đánh chị A. Chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn gia đình anh, chị vẫn không thể cải thiện được.

Xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương và sự tôn trọng nhau nhưng giữa chị A và anh H không có được điều đó, dẫn đến mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A xin ly hôn anh H, về phía anh H biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, biết nội dung khởi kiện của chị A tại Tòa án nhưng không gửi bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, không đến Tòa để tham gia hòa giải, chứng tỏ anh H không tha thiết níu kéo hạnh phúc gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

- Về con chung: Chị A và anh H có 02 con chung là Lê Hữu M, sinh ngày 20/5/2022 và Lê Hữu H1, sinh ngày 09/01/2008. Cháu Minh đã thành niên tự lo cuộc sống, vì vậy việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị A là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lê Hữu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con hằng tháng là 1.000.000đồng.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị A là chính đáng, tại bản tự khai, cháu Lê Hữu H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Lê Hữu H1 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh H cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị A khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Lê Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu H1, sinh ngày 09/01/2008 cho chị Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi đến tuổi thành niên, phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Anh Lê Hữu H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006752 ngày 17/12/2021; chấp nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Hữu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị A, vắng mặt anh H. Chị A có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TP, huyện NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh